

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 235/2022/HNGĐ-ST

Ngày : 12 – 7 - 2022

“V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Hiến.

2. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 135/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà LTNĐ, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 12, khóm Vĩnh Hưng, thị trấn VTT, huyện CP, tỉnh An Giang (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông VHK, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ 12, khóm Vĩnh Hưng, thị trấn VTT, huyện CP, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà LTNĐ trình bày:

Bà và ông VHK do mai mối và tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2000, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VTT, huyện CP, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số: 539, ngày 13/8/2002. Trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Do đó, bà và ông Khuân ly thân từ năm 2009 đến nay. Nay nhận

thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông VHK.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Võ Lê Ngọc Diễm, sinh ngày 05/10/2001 (hiện cháu Diễm đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được, không yêu cầu Toà án giải quyết) và Võ Lê Diễm Phương, sinh ngày 24/12/2009, hiện cháu Phương đang sống chung với bà. Sau ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Võ Lê Diễm Phương, sinh ngày 24/12/2009 và bà không yêu cầu ông Khuân cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời hạn chẵn bị xét xử, bị đơn ông VHK đã được Toà án tổng đạt các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, nhưng ông Khuân không gửi văn bản, bản tự khai và không tham gia tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến của ông Khuân.

Tại phiên tòa:

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn bà Đ đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Khuân không thực hiện theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Bị đơn ông Khuân được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn của bà Đ. Quá trình giải quyết vụ án, bà Đ kiên quyết ly hôn, cả hai không thể chung sống cho thấy mâu thuẫn giữa bà Đ và ông Khuân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, cho bà Đ được ly hôn với ông Khuân. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Lê Ngọc Diễm, sinh ngày 05/10/2001 (hiện cháu Diễm đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được, không yêu cầu Tòa án giải quyết) và Võ Lê Diễm Phương, sinh ngày 24/12/2009. Sau khi ly hôn bà Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Võ Thị Diễm Phương và không yêu cầu ông Khuân cấp dưỡng nuôi con chung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà Đ. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà LTNĐ khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông VHK, tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn, bị đơn có địa chỉ cư trú tại địa bàn huyện Châu Phú nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt, có mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Đ vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Khuân đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn ông Khuân là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Đ:

Bà Đ và ông Khuân tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VTT, huyện CP, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 539, ngày 13/8/2002 là phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình giải quyết vụ án, bà Đ kiên quyết ly hôn, vì bà Đ cho rằng cuộc sống vợ chồng của ông bà không còn hạnh phúc, thời gian ly thân đã lâu, không thể đoàn tụ được. Tòa án triệu tập ông Khuân theo quy định pháp luật nhưng vẫn không đến Tòa án, không có ý kiến về việc ly hôn. Bà Đ vẫn kiên quyết giữ yêu cầu ly hôn, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Đ và ông Khuân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà LTNĐ là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà LTNĐ.

[2.2] Về con chung: Bà Đ trình bày có 02 con chung tên Võ Lê Ngọc Diễm, sinh ngày 05/10/2001 (hiện cháu Diễm đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được, không yêu cầu Tòa án giải quyết) và Võ Lê Diễm Phương, sinh ngày 24/12/2009, hiện con chung tên Phương đang sống chung với bà Đ. Khi ly hôn bà Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Võ Lê Diễm Phương. Xét từ khi ly thân đến nay, con chung tên Phương do bà Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, các con chung đều có nguyện vọng sống với bà Đ. Để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt, tạo điều kiện cho con chung tên Phương được ổn định về tâm sinh lý, chỗ ở, sinh hoạt và học tập. Hội đồng xét xử chấp nhận giao 01 con chung tên Võ Lê Diễm Phương cho bà Đ được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà LTNĐ và các thành viên trong gia đình của bà Đ không được cản trở ông Khuân thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà LTNĐ không yêu cầu ông VHK nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 56, khoản 1, khoản 2 Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà LTNĐ, bà LTNĐ được ly hôn với ông VHK.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 539, ngày 13/8/2002 tại Ủy ban nhân dân xã VTT, huyện CP, tỉnh An Giang cấp cho bà LTNĐ và ông VHK không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Lê Ngọc Diễm, sinh ngày 05/10/2001 (hiện cháu Diễm đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được, không yêu cầu Tòa án giải quyết); con chung Võ Lê Diễm Phương, sinh ngày 24/12/2009.

Giao 01 con chung tên Võ Lê Diễm Phương, sinh ngày 24/12/2009 cho bà LTNĐ trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Bà LTNĐ và các thành viên trong gia đình của bà Đ không được cản trở ông Khuân thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà LTNĐ không yêu cầu ông VHK cấp dưỡng nuôi con chung nên ông Khuân không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà LTNĐ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0003629 ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

6. Về quyền kháng cáo: Bà LTNĐ và ông VHK vắng mặt tại phiên toà, thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND. AG;
- VKSND. HCP;
- THA. HCP;
- UBND xã VTT;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến Anh